

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hải và bà Nguyễn Thùy Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thùy N, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình . *Có mặt*

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Thùy Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2014 tại UBND xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp về lối sống và suy nghĩ, nên dẫn đến thường xuyên tranh cãi, xung đột lẫn nhau và bỏ mặc nhau và sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn, đời sống chung của vợ chồng không đạt được nên chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị Nh khai nhận vợ chồng có 01 con chung Trần Anh Q, sinh ngày 10/02/2015. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trường hợp anh N có nguyện vọng nuôi con thì chị Nh cũng đồng ý và tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản: Chị Võ Thị Thùy Nh trình bày vợ chồng không có tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 13/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn N trình bày:*

Thời gian địa điểm, đăng ký kết hôn, con chung anh N cũng thống nhất ý kiến như chị Nh đã trình bày. Riêng về tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến chị Nh có đơn xin ly hôn là do chị Nh có tình cảm với người khác từ tháng 01/2020 nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau. Vì vậy, chị Nh có yêu cầu ly hôn thì anh N cũng đồng ý. Sau khi ly hôn, anh N có nguyện vọng được nuôi con và đồng ý với số tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của chị Nh, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 28/02/2020, anh N thay đổi toàn bộ ý kiến, không mong muốn ly hôn để vợ chồng cùng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái. Trong trường hợp chị Nh kiên quyết ly hôn thì anh N yêu cầu chị Nh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng

Về tài sản chung anh N trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng có tiết kiệm được khoản tiền khoảng 500.000.000 đồng do chị Nh mang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nhưng anh không biết là ngân hàng nào và 10 chỉ vàng 9999 có giá trị 45.700.000 đồng do chị Nh đang cất giữ. Trong trường hợp chị Nh kiên quyết ly hôn thì anh N đề nghị Tòa án phong tỏa tài khoản tiền gửi tại ngân hàng để làm căn cứ chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh N không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về số tài sản này.

- *Tại phiên tòa:*

- Chị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và anh N đồng ý đồng thời các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung Nguyễn Anh Q cho anh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản: Anh N giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung của vợ chồng mà anh đã nêu ở trên nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Chị Nh không thừa nhận về số tài sản chung của vợ chồng như anh N đã yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn anh Nguyễn Văn N cư trú. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Chị Võ Thị Thùy Nh và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2014 tại UBND xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Theo khai nhận của chị Nh thì sau khi kết hôn được một thời gian, tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, xung đột lẫn nhau, bị anh N đánh đập nhiều lần nên chị Nh rất lo sợ và bỏ về nhà ngoại sinh sống từ tháng 7/2017. Phía anh N không thừa nhận việc mình đánh đập, ngược đãi chị Nh mà cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng xuất phát từ khi chị Nh có tình cảm với người khác nên vợ chồng mới sống ly thân từ khi chị Nh nộp đơn xin ly hôn. Vì vậy, tại phiên hòa giải lần thứ nhất anh N đồng ý ly hôn nhưng phiên hòa giải tiếp theo thì anh N lại mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, nếu chị Nh kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý nhưng với điều kiện chị Nh phải giải quyết về phần tài sản.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy thái độ, lời lẽ của các đương sự dành cho nhau không thể hiện được sự tôn trọng, tin tưởng, thương yêu quý mến nhau. Nguyên nhân dẫn đến xung đột, mâu thuẫn trong đời sống chung của vợ chồng các đương sự không tự xác định được. Mặt khác, các đương sự đều thừa nhận đã sống ly thân, nhưng không thống nhất về thời điểm bắt đầu sống ly thân và giữa các bên thể hiện giữa các đương sự đã có sự bỏ mặc nhau trong một thời gian không có hành động, thái độ cụ thể để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định các đương sự đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài, không ai còn quan tâm lẫn nhau, bỏ mặc nhau, tình cảm thực sự phai nhạt, khó có thể hàn gắn, đời sống chung hiện tại của các đương sự không còn tồn tại và tại phiên tòa các bên đương đã thống nhất ly hôn nhau nên yêu cầu ly hôn của chị Nh là có căn cứ cần được chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đối với 01 con chung Trần Anh Q, sinh ngày 10/02/2015 thì quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa chị

Nh đồng ý đối với yêu cầu của anh N được trực tiếp nuôi con và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con trưởng thành. Xét thấy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của các đương sự là chính đáng và thể hiện được nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ đối với con cũng như việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con là đảm bảo về tâm sinh lý, nơi ở và môi trường sinh sống, học tập của cháu Q từ trước đến nay. Vì vậy, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với sự phát triển của con cũng như điều kiện kinh tế chi Nh hiện tại và đúng với quy định tại các Điều 58, 68, 69 và 70 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[4] Về tài sản chung:**

Quá trình giải quyết vụ án chi Nh khai nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh N vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết khối tài sản chung có tổng giá trị là 547.500.000 đồng, trong đó có 50.000.000 tiền gửi ngân hàng và 10 chỉ vàng 9999 tương đương 47.500.000 đồng. Để có căn cứ xem xét yêu cầu của anh N, trong các buổi hòa giải ngày 13/02/2020 và ngày 28/02/2020 Tòa án đã yêu cầu anh N cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình để làm căn cứ xem xét, nhưng anh N cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 70, Điều 91 và Điều 94 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu về phân chia tài sản chung của anh N vì không có căn cứ. Trong trường hợp, anh N cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình về phân chia tài sản chung thì anh N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

**[5] Về án phí:** Chị Võ Thị Thùy Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**[6] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Võ Thị Thùy Nh ly hôn anh Trần Văn N.

**2. Về nuôi con:** Giao con chung Trần Anh Q, sinh ngày 10/02/2015 cho anh Trần Văn Ninh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc chị Võ Thị Thùy Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một*

triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản:** Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Võ Thị Thùy Nh phải chịu nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng chị Nh được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0003354 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Chị Võ Thị Thùy Nh còn phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/5/2020)/.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Cục THADS huyện Bồ Trạch;
- UBND xã Thuận Đức, TP. Đồng Hới, QB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Trung Thành**